

T, ngày 28 tháng 12 năm 2022

Số: 45/2022/QĐST-DS

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 351; Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 12 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 68/2022/TLST – DS ngày 21 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V

Địa chỉ trụ sở: Số x, phường L, quận Đ, TP H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh L – Cán bộ ngân hàng

- **Bị đơn:** Ông Đỗ Trọng T, sinh năm 1988 và bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1990
Điều HKTT và nơi ở: Cụm y, xã D, huyện T, thành phố H.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1968.
Điều HKTT và nơi ở: Cụm y, xã D, huyện T, thành phố H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Đỗ Trọng T và bà Trần Thị Thu T1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền theo Hợp đồng tín dụng số 10192769 ký ngày 11/11/2016 tạm tính đến ngày 20/12/2022 là: 669.436.213 đồng (*sáu trăm sáu mươi chín triệu, bốn trăm ba mươi sáu nghìn, hai trăm mười ba đồng*); Trong đó tiền gốc: 436.419.445 đồng; Tiền lãi: 233.016.768 đồng, kể từ ngày 21/12/2022, ông Đỗ Trọng T và bà Trần Thị Thu Thủy phải thanh toán các khoản nợ lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 10192769 ký ngày 11/11/2016 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Ông Đỗ Trọng T và bà Trần Thị Thu T1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền theo Hợp đồng tín dụng số 10308101 ký ngày 23/11/2016 tạm tính đến ngày 20/12/2022 là: 327.966.269 đồng (*Ba trăm hai mươi bảy triệu, chín trăm sáu mươi sáu nghìn, hai trăm sáu mươi chín đồng*); trong đó nợ gốc: 237.735.240 đồng; nợ lãi: 90.231.029 đồng, kể từ ngày 21/12/2022, ông Đỗ Trọng T và bà Trần Thị Thu T phải thanh toán các khoản nợ lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 10308101 ký ngày 23/11/2016 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Ông Đỗ Trọng T và bà Trần Thị Thu T1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền theo Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 15/11/2016 tạm tính đến ngày 20/12/2022 là: 34.836.998 đồng (*Ba mươi tư triệu, tám trăm ba mươi sáu nghìn, chín trăm chín mươi tám đồng*); trong đó nợ gốc: 22.103.748 đồng; nợ lãi: 12.733.250 đồng, kể từ ngày 21/12/2022, ông Đỗ Trọng T và bà Trần Thị Thu T phải

thanh toán các khoản nợ lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận tại Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 15/11/2016 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp ông Đỗ Trọng T và bà Trần Thị Thu T1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ toàn bộ khoản nợ trên cùng lãi phát sinh tại Hợp đồng tín dụng số 10192769 ký ngày 11/11/2016 thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ cụ thể là các tài sản sau: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 606c; tờ bản đồ số: 04 Diện tích 163m² tại địa chỉ: Thôn Cùm 3, Đ, xã D, huyện T, tỉnh H (nay là thành phố H) thuộc quyền sở hữu/sử dụng của bà Nguyễn Thị A theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" số U424500, Sổ vào sổ cấp GCN: 1515.QSĐĐ/642.QĐ-UB do UBND huyện T, tỉnh H cấp ngày 01/07/2002 cho ông Trần Văn Thái; Ngày 27/10/2016 tại Văn phòng đăng ký đất đai H – Chi nhánh huyện T đã đăng ký sang tên cho bà Nguyễn Thị A. Chi tiết tại hợp đồng thế chấp số 04579/2016/HĐTC, quyền số 01/2016/TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 10/11/2016 tại Văn phòng công chứng Vĩnh Xuân, thành phố H.

Trường hợp ông Đỗ Trọng T và bà Trần Thị Thu T1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ toàn bộ khoản nợ trên cùng lãi phát sinh tại Hợp đồng tín dụng số 10308101 ký ngày 23/11/2016 thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ cụ thể là các tài sản sau: 01 xe ô tô nhãn hiệu UNIVERSE-NGT HK42, BKS: 29B-605.83, số khung: RMLG4SE6NCX000029, số máy: D6AB9184766 theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 283334 do Phòng cảnh sát giao thông, công an thành phố H cấp ngày 23/11/2016. Chi tiết tại hợp đồng thế chấp số 10308101 ký ngày 23/11/2016.

Số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản đảm bảo nêu trên được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Đỗ Trọng T và bà Trần Thị Thu Thủy đối với Ngân hàng TMCP V. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh

toán hết khoản nợ thì ông Đỗ Trọng T và bà Trần Thị Thu T1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V.

3. Về án phí: Ông Đỗ Trọng T và bà Trần Thị Thu T1 phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 21.483.592 đồng (hai mươi một triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn năm trăm chín mươi hai đồng).

Trả lại Ngân hàng TMCP V số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2020/0023111 ngày 14/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, thành phố H.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố H;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

Đoàn Lan Hương